TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS - ST
Ngày: 18 - 01 - 2019
V/v tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương

2. Ông Huỳnh Văn Chớ

- T ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phú là T ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu , tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 531/2017/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2018/QĐXX- ST ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh N, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T, huyện C, tỉnh N, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T (chết), trú tại: Tổ 5, khu phố 2, Thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn (bà T):

- Bà Lý Thị K, sinh năm 1956; trú tại: Tổ 5, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh N. Hiện tạm trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, tổ 2, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

- Ông Kim Bong S, sinh năm 1938; trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N, (vắng mặt)

- Cháu Kim Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004; trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N. Có mặt

- Cháu Kim Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2006; trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

- Cháu Kim Nguyễn Anh T, sinh năm 2007; trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N.

- Người đại diện hợp pháp của cháu Kim Nguyễn Thanh P, Kim Nguyễn Thành Đ và Kim Nguyễn Anh T là ông Kim Bong S, sinh năm 1938; trú tại: Số 49, đường Bùi Thị Xuân, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và đại diện ủy quyền của chị T trình bày:

Do là chòm xóm quen biết nên bà T có cho chị T vay tiền qua hai lần: Vào ngày 20/9/2017 DL, cho chị T mượn số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 24/10/2017 chị T vay tiếp 620.000.000 đồng. Tổng cộng chị T vay của bà 1.120.000.000 (một tỷ một trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ do cháu bà T tên H viết hộ và chị T ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận là cứ 1 triệu là 2.000 đồng trên 1 ngày, tính ra là 6%/tháng, cả 02 lần mượn đều thỏa thuận mượn trong vòng 03 ngày sẽ trả hết, thể hiện rõ trong giấy nợ. Chị T nói để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 18/10/2017 chị T có gửi lại cho bà 200.000.000 đồng tiền vay gốc. Không làm biên nhận riêng mà bà T có ghi trên giấy biên nhận nợ luôn. Chị T chưa trả cho bà T được đồng lãi nào. Hiện chị T còn nợ 920.000.000 đồng tiền gốc và lãi từ ngày vay đến nay. Khi cho mượn tiền bà không nhận thế chấp tài sản gì của chị T. Đến hẹn bà có đến nhà chị T hỏi đòi nợ nhưng chị T đi Hàn Quốc nên hẹn sẽ đem tiền đến trả cho bà sau. Ngoài số tiền trên chị T không còn vay số tiền nào nữa. Việc bà cho chị T mượn tiền thì chồng chị T không biết do chồng chị T là người nước ngoài không biết tiếng Việt, nhưng mẹ ruột chị T thì có biết do bà có đến nhà chị T đòi tiền nhiều lần.

Nay bà yêu cầu được lấy lại tiền gốc 920.000.000 (chín trăm hai mươi triệu) đồng. Hiện nay chị T đã chết nên yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 920.000.000 đồng trên. Không yêu cầu gì thêm.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Ông Kim Bong S trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Kim Bong S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Ông, bà chung sống có 03 người con gồm: Kim Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004, Kim Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2006 và Kim Nguyễn Anh T, sinh năm 2007.

Việc chị T mượn tiền của bà T thì ông không biết chị T mượn tiền gì của ai và mượn bao nhiêu, trước khi chết chị T cũng không nói gì.

Theo ông giấy nợ ngày 20-9-2017 chị T mượn 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thể hiện ngày 18-10-2017 trả được 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng thì ông cho rằng chữ ký trong giấy nợ không phải của chị T vợ ông cũng như giấy nợ ngày 24-10-2017 chị T mượn 620.000.000 đồng, chữ ký trong giấy nợ này cũng không phải của vợ ông nên ông không có ý kiến gì. Ông đồng ý giám định chữ ký theo quy định của pháp luật và đồng ý chịu chi phí giám định. Nếu sau khi giám định có kết quả thì ông sẽ có ý kiến sau.

- Bà Lý Thị K trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị T. Ba của chị T đã chết năm 2006. Chị T có chồng là người Hàn Quốc tên Kim Bong S, sinh năm 1938 và có 03 người con như ông Kim Bong S trình bày là đúng. Việc chị T có mượn tiền của bà T hay không thì bà không biết. Nay bà T yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của chị T cùng có trách nhiệm trả nợ, bà không biết gì về việc thừa kế, cũng không hiểu gì về tại sao Tòa án mời bà lên làm việc nhưng sau khi nghe Tòa án giải thích về pháp luật thì bà đồng ý làm việc và ý kiến của bà về việc kiện của bà T đối với con bà về số tiền nợ của bà T là 920.000.000 đồng thì bà không có ý kiến, Tòa án giải quyết sao thì bà chịu vậy. Riêng về phần di sản của chị T nếu có thì bà cũng không nhận để lại cho các con chị T vì chúng còn rất nhỏ.

Tại Tòa bà K có ý kiến: Con bà chị T đã chết nên di sản của T con bà để lại bà đồng ý bán di sản của chị T để trả nợ. Bà xin đứng ra bán di sản của chị T để trả nợ nếu dư ra giao cho các con T, hiện ông Kim Bong S không có trách nhiệm gì với các con.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tống Đ, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Kim Bong S theo đúng quy định và xét xử vắng mặt ông S.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 74, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với các đồng thừa kế của chị Nguyễn Thị Thu T. Buộc những đồng thừa kế di sản của chị T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 920.000.000 đồng trong phần di sản thừa kế của chị T còn lại sau khi trừ nghĩa vụ bảo đảm tại Ngân hàng Tơng mại cổ phần Công Tơng Việt Nam-chi nhánh Tây Ninh- phòng giao dịch Tân Biên.

Về án phí: Bà K, ông Kim Bong S được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị Thu T là bị đơn sau khi Tòa thụ lý hồ sơ khởi kiện thì bà T chết, nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu các đồng thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) của bà T gồm: Ông Kim Bong S (chồng bà T); cháu Kim Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004, cháu Kim Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2006, cháu Kim Nguyễn Anh T, sinh năm 2007 là các con bà T; bà Lý Thị K là mẹ của bà T tham gia tố tụng là phù hợp. Ông Bong S đã có lời khai của vụ án nhưng sau đó không đến Tòa, Tòa án tiến hành tống Đ, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Kim Bong S và tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T và đại diện ủy quyền của bà T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả số tiền còn nợ lại là 920.000.000 (chín trăm hai mươi triệu) đồng không yêu cầu tính lãi, nhưng do sau khi kiện bà T chết nên bà T và đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu các đồng thừa kế của bà T có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà vì hiện tại di sản của bà T để lại dư trả tất cả các khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là 02 biên nhận nợ ngày 20-9-2017 và ngày 24-10-2017 và tại Kết luận giám định số 1201/KL-KTHS ngày 08 tháng 10 năm 2018 kết luận chữ ký trong hai giấy biên nhận nợ trên là của chị Nguyễn Thị Thu T nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ông Kim Bong S (chồng chị T) trình bày cho rằng chữ ký trong các giấy biên nhận nợ đối với số nợ của bà T không phải do vợ ông chị T ký, ông yêu cầu giám định chữ ký trong các biên nhận nợ nếu đúng là chữ ký của vợ ông chị T thì ông có ý kiến sau, nhưng sau đó Tòa án mời ông làm việc thì ông không đến Tòa và không có ý kiến gì. Bà Lý Thị K (mẹ bà T) đồng ý về số nợ trên của chị T có nợ bà T sau khi Tòa án công bố kết luận giám định và đồng ý bán di sản của chị T trả nợ, bà chỉ đồng ý trả nợ trên số di sản bà được hưởng của chị T. Xét lời trình bày của ông Kim Bong S và bà Lý Thị K, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của ông Kim Bong S là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì tại Kết luận giám định số 1201/KL-KTHS ngày 08 tháng 10 năm 2018 kết luận chữ ký trong hai giấy biên nhận nợ trên là của chị Nguyễn Thị Thu T nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận. Đối với lời trình bày của bà K, bà đồng ý chị T con bà có nợ bà T số tiền trên và đồng ý trả nợ cho chị T trong phạm vi kỷ phần thừa kế bà được hưởng. Lời trình bày này của bà K Hội đồng xét xử thấy rằng: Do chị Nguyễn Thị Thu T là bị đơn trong vụ án chết có để lại di sản là nhà và đất chưa được chia và các đồng thừa kế của chị T cũng không có thỏa thuận nào khác nên căn cứ khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại nên yêu cầu này của bà K là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận bà T không yêu cầu bất kỳ khoản lãi nào đối với số tiền nợ trên.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Các đồng thừa kế của chị Nguyễn Thị Thu T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 615 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 12; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với các đồng thừa kế chị Nguyễn Thị Thu T.

Buộc các đồng thừa kế của chị Nguyễn Thị Thu T là Ông Kim Bong S (chồng bà T và bà Lý Thị K là mẹ của bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 920.000.000 (chín trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bàT không yêu cầu tính lãi.

Ông Kim Bong S (chồng bà T); cháu Kim Nguyễn Thanh P, sinh năm 2004, cháu Kim Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2006, cháu Kim Nguyễn Anh T, sinh năm 2007 là các con bà T; người đại diện hợp pháp cho các con bà T là ông Kim Bong S cùng bà Lý Thị K là mẹ của bà T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của chị T để lại.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các đồng thừa kế của chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Ông Kim Bong S và bà Lý Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà T số tiền 20.400.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024970 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. BàT được nhận lại số tiền trên.

"Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện Tân Châu
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Cái Thị Minh Tâm